

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26-9-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thôn;

Ông Nguyễn Văn Thắng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Gám - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Phan Xuân Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 735/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị L, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã T, huyện A, Hải Phòng; hiện trú tại: Thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Lương Xuân A, địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện A, Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 4 năm 2021 và các bản tự khai của nguyên đơn chị Hoàng Thị L trình bày:

Chị L và anh Lương Xuân A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 17 tháng 7 năm 1996. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại thôn C, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách, lối sống không phù hợp, anh A chơi bời, lơ đãng dẫn đến nợ nần. Vợ chồng nhiều lần cãi vã, căng thẳng, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng ly thân hai năm nay, không quan tâm đến nhau. Chị L xác định không còn tình cảm với anh A và đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lương Xuân A. Về con chung: Chị L và anh A có 02 con chung là Lương Thế S, sinh ngày 17 tháng 6 năm 1997 và Lương Thế Đ, sinh ngày 13 tháng 3 năm 2007. Con Lương Thế S đã đủ 18 tuổi, không phải nuôi dưỡng, Chị L đề nghị anh A nuôi con Lương Thế Đ, Chị L không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lương Xuân A trình bày: Anh thống nhất với Chị L về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn là đúng. Theo anh A vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2020, trong lúc nóng giận không kiềm chế được cảm xúc anh có chửi mắng vợ con, thỉnh thoảng anh có chơi lơ đãng, thua lỗ, có phải vay tiền nhưng anh A tự trả nợ, anh không yêu cầu Chị L đưa tiền hoặc đi vay tiền để anh trả nợ. Anh A đã nhiều lần đi tìm nhưng Chị L không quay lại chung sống với anh. Do đó Chị L có đơn xin ly hôn, anh A đề nghị tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy các con. Trường hợp Chị L kiên quyết ly hôn anh A đồng ý. Về con chung: Anh A thống nhất vợ chồng có hai con chung, họ tên tuổi các con như Chị L trình bày. Trường hợp ly hôn anh nhận nuôi con Lương Thế Đ, không yêu cầu Chị L cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Anh A không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Hoàng Thị L đã tuân thủ đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; anh Lương Xuân A không đến phiên tòa là không tuân thủ theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử cho chị Hoàng Thị L được ly hôn anh Lương Xuân A; về con chung:

Giao con Lương Thế Đ, sinh ngày 13 tháng 3 năm 2007 cho anh Lương Xuân A nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị Hoàng Thị L. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Hoàng Thị L có đơn khởi kiện đề nghị tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh Lương Xuân A. Anh Lương Xuân A có nơi cư trú tại: Thôn C, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 17 tháng 7 năm 1996 được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách, lối sống không phù hợp, không tìm được tiếng nói chung, anh A chơi bời, lơ đãng, dẫn đến nợ nần một số tiền lớn. Vợ chồng nhiều lần cãi vã, căng thẳng. Chị L đã bỏ về ở với mẹ đẻ từ năm 2020. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Địa phương và gia đình Chị L, anh A cũng xác nhận tình trạng mâu thuẫn giữa Chị L và anh A đã trầm trọng, kéo dài, khó có khả năng đoàn tụ. Xét, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị L, anh A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc Chị L có đơn xin ly hôn anh A là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Hoàng Thị L và anh Lương Xuân A có 02 con chung là Lương Thế S, sinh ngày 17 tháng 6 năm 1997 và Lương Thế Đ, sinh ngày 13 tháng 3 năm 2007. Con Lương Thế S đã đủ 18 tuổi, vấn đề nuôi dưỡng không đặt ra. Chị L đề nghị anh A nuôi con Lương Thế Đ, Chị L không cấp dưỡng nuôi con; anh A nhận nuôi con Lương Thế Đ, không yêu cầu Chị L cấp dưỡng nuôi con. Xét cháu Đạt trên bảy tuổi có đơn xin ở với anh A, Chị L, anh A đều đề nghị anh A nuôi cháu Đạt, anh A hiện có nơi ở rộng rãi, đảm bảo việc nuôi con. Do đó, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao con Lương Thế Đ,

sinh ngày 13 tháng 3 năm 2007 cho anh Lương Xuân A nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị Hoàng Thị L.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 19, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Hoàng Thị L được ly hôn anh Lương Xuân A.

2. Về con chung: Giao con Lương Thế Đ, sinh ngày 13 tháng 3 năm 2007 cho anh Lương Xuân A nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị Hoàng Thị L

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hoàng Thị L đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001240 ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Hoàng Thị L đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Hoàng Thị L và anh Lương Xuân A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã Trường Thành;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Anh